

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN BÀN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22/8/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Nghĩa;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vi Thị Loan và ông Hoàng Văn Thứ

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Mới - Kiểm sát viên.

Ngày 22/8/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 63/2022/TLST-HNGĐ ngày 31/5/2022, về việc kiện “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 18/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2022/QĐST – HNGĐ ngày 05/8/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Sùng A P, sinh năm: 1996.

Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện V, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Thảo Thị D, sinh năm 1996.

ĐKKHKT: Thôn T, xã S, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú cuối cùng: Thôn T, xã S, huyện V, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Những người làm chứng:

1, Ông Vàng A V, sinh năm 1976.

2, Ông Vũ Seo S, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện V, tỉnh Lào Cai. Điều vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn anh Sùng A P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Thảo Thị D tự về chung sống cùng nhau từ năm 2013 đến ngày 15/8/2016 đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện V, tỉnh Lào Cai trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng anh về chung sống cùng nhau tại Thôn T, xã S, huyện V, tỉnh Lào Cai, đến tháng 6/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến tình trạng vợ chồng thường xuyên cãi, chửi, xúc phạm nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về tính cách và quan điểm sống. Vào ngày 24/5/2019 chị Thảo Thị D đã tự ý bỏ nhà đi khỏi địa phương, khi đi chị D không thông báo cho ai biết. Sau khi chị D bỏ đi anh đã thông báo Công an xã S, báo thôn bản và thông báo cho gia đình hai bên nội ngoại biết và áp dụng mọi biện pháp tìm kiếm chị Thảo Thị D, kể cả thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng không có kết quả. Tại Quyết định số 04/2022/QĐST – VDS ngày 04/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai đã tuyên bố chị Thảo Thị D mất tích. Nay chị Thảo Thị D bỏ đi biệt tích đã lâu, xét thấy không còn tình cảm vợ chồng, anh Sùng A P đề nghị Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn cho anh được ly hôn với chị Thảo Thị D để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh và chị Thảo Thị D có 02 con chung, cháu thứ nhất là Sùng Thị Hà N- sinh ngày 24/8/2013; Cháu thứ hai là Sùng Văn Q- sinh ngày 11/7/2015. Từ khi chị Thảo Thị D bỏ đi thì các cháu đang ở cùng với anh tại thôn T, xã S, huyện V, tỉnh Lào Cai và do anh trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh không đề nghị chị D cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản và vay nợ chung: Anh Sùng A P xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng anh chị không có tài sản gì chung, vợ chồng không vay nợ cá nhân, cơ quan, tổ chức nào và không cho ai vay nợ, nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về bị đơn chị Thảo Thị D: Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 04/2022/QĐST – VDS ngày 04/5/2022, Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai đã tuyên bố chị Thảo Thị D mất tích, hiện chị D vẫn vắng mặt tại địa phương. Không ai biết chị D ở đâu.

Do chị Thảo Thị D mất tích nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn mở phiên tòa để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên Tòa:

Tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 19/8/2022 anh Sùng A P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn giải quyết cho anh được ly hôn với chị Thảo Thị D và giao việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung như đơn khởi kiện và các bản tự khai của anh. Về tài sản và vay nợ chung anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm

phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định tại các điều 70,71,78 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến của Viện kiểm sát huyện Văn Bàn về việc giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 229; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, giải quyết theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Sùng A P. Xử cho anh Sùng A P được ly hôn với chị Thào Thị D.

- Về con chung: Giao cháu Sùng Thị Hà N - sinh ngày 24/8/2013 và cháu Sùng Văn Q - sinh ngày 11/7/2015 cho anh Sùng A P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu Sùng Thị Hà N và Sùng Văn Q đủ 18 tuổi. Chị Thào Thị D không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về án phí và quyền kháng cáo tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; Ý kiến của kiểm sát viên; Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Sùng A P khởi kiện Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với bị đơn chị Thào Thị D, sinh năm 1996. Nơi cư trú cuối cùng: Thôn T, xã S, huyện V, tỉnh Lào Cai. Đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Theo quy định tại Điều 28, Điều 35, điểm b Khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai và quan hệ pháp luật là: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn anh Sùng A P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Chị Thào Thị D đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn đã tiến hành các thủ tục niêm yết theo quy định của pháp luật, nhưng chị Thào Thị D vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định: Anh Sùng A P và chị Thào Thị D tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 15/8/2016 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện V, tỉnh Lào Cai. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống đến tháng 6/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến tình trạng thường xuyên cãi, chửi, xúc phạm nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, bất đồng về tính cách. Ngày 24/5/2019 chị Thào Thị D đã tự ý bỏ nhà đi khỏi địa phương, khi đi chị Di không thông báo cho ai

biết. Sau khi chị D bỏ đi anh P đã áp dụng mọi biện pháp tìm kiếm, nhưng không có kết quả. Tại Quyết định số 04/2022/QĐST – VDS ngày 04/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai đã tuyên bố chị Thào Thị D mất tích. Với nội dung trên, căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xét thấy đề nghị xin ly hôn của anh Sùng A P là phù hợp cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh Sùng A P và chị Thào Thị D có 02 con chung, cháu thứ nhất là Sùng Thị Hà N - sinh ngày 24/8/2013; Cháu thứ hai là Sùng Văn Q - sinh ngày 11/7/2015. Hiện các cháu đang ở cùng anh Sùng A P tại Thôn T, xã S, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Xét thấy từ khi chị Thào Thị D bỏ đi biệt tích thì các cháu đang ở cùng với anh Sùng A P và do anh trực tiếp nuôi dưỡng. Các cháu hiện nay đều đang theo học tại trường tiểu học xã S, huyện V, tỉnh Lào Cai. Bản thân các cháu đều có nguyện vọng được ở với anh Sùng A P.

Qua trình điều tra xác minh tại chính quyền địa phương và người làm chứng thể hiện: Anh Sùng A P là lao động tự do, có mức thu nhập trung bình 5.000.000đồng/tháng. Khi ly hôn, anh Sùng A P nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh không đề nghị chị D cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét ý kiến nguyện vọng của anh Sùng A P là phù hợp và đúng quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản, vay nợ chung: Anh Sùng A P xác định không có tài sản chung, không có vay nợ chung, nên không đề nghị Tòa án giải quyết, Do đó Tòa án không đề cập vấn đề giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn anh Sùng A P phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung và hướng giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 điều 147, khoản 1, 3 điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Sùng A P:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Sùng A P được ly hôn với chị Thào Thị D.

- Về con chung: Giao cháu Sùng Thị Hà N - sinh ngày 24/8/2013 và cháu Sùng Văn Q - sinh ngày 11/7/2015 cho anh Sùng A P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu Sùng Thị Hà N và Sùng Văn Q đủ 18

tuổi. Chị Thảo Thị D không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí: Anh Sùng A P phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0004311 ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Anh Sùng A P đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Thảo Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh LC (1);
- VKSND (2);
- Các đương sự (2);
- CCTHADS (1);
- UBND xã S (1);
- Lưu HS, TP, TA (4).

**TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Nghĩa